

Số: 6044 /BC-SKHCN

Lạng Sơn, ngày 23 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO
Kết quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng năm 2026
trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Kính gửi: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Thực hiện Công văn số 142-CV/BTGTU ngày 08/10/2026 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về việc đề nghị báo cáo hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng năm 2026; trên cơ sở tổng hợp thông tin, số liệu do các xã, phường cung cấp, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo kết quả như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

1. Công tác thành lập, kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng

Tổ công nghệ số cộng đồng được thành lập nhằm hình thành lực lượng trực tiếp tại thôn, tổ dân phố, thực hiện tuyên truyền, phổ cập kỹ năng số, hướng dẫn người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến (DVCTT), thanh toán không dùng tiền mặt và các tiện ích số phục vụ đời sống.

Trước khi thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố theo Kế hoạch số 209/KH-UBND ngày 27/5/2026, toàn tỉnh có 1.646 Tổ công nghệ số cộng đồng. Sau sắp xếp, từ ngày 01/7/2026, 65/65 xã, phường đã kiện toàn 923 Tổ, tương ứng với 923 thôn, tổ dân phố, với tổng số 6.716 thành viên.

Thành phần các Tổ cơ bản phù hợp với đặc điểm địa bàn, phát huy vai trò của lực lượng tại cơ sở, nhất là những người có kỹ năng sử dụng công nghệ số. Tuy nhiên, các thành viên chủ yếu hoạt động kiêm nhiệm, chưa có chế độ, phụ cấp riêng; do đó, mức độ tham gia và hiệu quả hoạt động giữa các Tổ chưa đồng đều, một số Tổ chưa duy trì hoạt động thường xuyên.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn của các xã, phường

Tỉnh Lạng Sơn xác định Tổ công nghệ số cộng đồng là lực lượng trực tiếp đưa chủ trương, chính sách và các tiện ích số đến người dân, nhất là tại thôn, bản, khu dân cư. Trên cơ sở định hướng của Trung ương và yêu cầu thực tiễn của địa phương, công tác chỉ đạo, tổ chức và hoạt động của các Tổ từng bước được củng cố, gắn phổ cập kỹ năng số với phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Kế hoạch số 1978/KH-SKHCN ngày 24/3/2026 về tập huấn kỹ năng số, an toàn thông tin; Công văn số 2279/SKHCN-TTCNS ngày 09/4/2026 và Công văn số 4162/SKHCN-TTCNS ngày 22/7/2026 về rà soát, kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng.

Trong năm 2026, Sở tổ chức đợt tập huấn từ ngày 14/4 đến ngày 12/5/2026 với 16 lớp, gồm 15 lớp trực tiếp và 01 lớp trực tuyến, kết nối qua 65 điểm cầu, bao phủ 65/65 xã, phường sau sắp xếp. Đối tượng tham gia được mở rộng, bao gồm thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng và đồng bào dân tộc thiểu số. Tổng số lượt tham gia được ghi nhận là 9.464 lượt, trong đó 8.826 lượt thành viên Tổ và đồng bào dân tộc thiểu số, 638 lượt cán bộ, công chức (187 lượt trực tiếp, 451 lượt trực tuyến).

Trong 15 lớp trực tiếp, việc tổ chức được mở rộng theo hình thức liên xã, với 31/65 xã, phường tham gia trực tiếp, tổng cộng 2.006 người. Đối với lớp trực tuyến kết hợp trực tiếp, chương trình kết nối đồng thời 65 điểm cầu, ghi nhận 7.458 người tham gia. Các số liệu về lượt tham gia được tổng hợp theo báo cáo của đơn vị tổ chức; cần tiếp tục đối chiếu để bảo đảm thống nhất về phạm vi thống kê và tránh tính trùng.

Các địa phương đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, Công an, cơ sở giáo dục và doanh nghiệp trong tổ chức hướng dẫn người dân. Một số địa phương đã ban hành văn bản kiến toàn Tổ, phân công nhiệm vụ và lồng ghép việc kiểm tra với theo dõi kết quả hỗ trợ. Tuy nhiên, công tác đôn đốc, kiểm tra, đánh giá hoạt động của từng Tổ chưa được duy trì thường xuyên, đồng đều giữa các địa phương.

II. THỰC TRẠNG VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

1. Tình hình duy trì hoạt động

Toàn tỉnh hiện có 923 Tổ công nghệ số cộng đồng, trong đó 523 Tổ hoạt động thường xuyên, hiệu quả, chiếm 56,66%; 371 Tổ hoạt động chưa thường xuyên, chiếm 40,20%; 29 Tổ hoạt động hạn chế, chiếm 3,14%.

Mức độ hoạt động có sự khác biệt giữa các địa phương. Phường Kỳ Lừa có 25/31 Tổ hoạt động thường xuyên; xã Trảng Định có 12/12 Tổ hoạt động thường xuyên. Trong khi đó, xã Na Dương có 4/27 Tổ hoạt động thường xuyên; xã Thái Bình có 11/16 Tổ hoạt động thường xuyên.

Theo phản ánh của một số địa phương, các Tổ hoạt động hạn chế chủ yếu gặp khó khăn về nhân lực kiêm nhiệm, kỹ năng hướng dẫn chưa đồng đều, địa bàn rộng, khoảng cách đi lại xa, điều kiện kết nối và phương tiện hỗ trợ còn thiếu. Một số Tổ chưa duy trì lịch hỗ trợ định kỳ, việc theo dõi và kiểm tra kết quả hoạt động chưa thường xuyên. Vì vậy, cần rà soát nguyên nhân cụ thể tại từng Tổ để có giải pháp củng cố phù hợp.

2. Kết quả hỗ trợ người dân

a) Hướng dẫn kỹ năng số và sử dụng nền tảng số

Các Tổ công nghệ số cộng đồng đã triển khai hỗ trợ người dân thông qua nhóm Zalo khu dân cư, đường dây nóng và trao đổi trực tiếp, tạo điều kiện để người dân phản ánh khó khăn, vướng mắc trong quá trình sử dụng nền tảng, ứng dụng và dịch vụ số.

Theo số liệu tổng hợp, các Tổ đã hướng dẫn 284.696 lượt người về kỹ năng số, hỗ trợ 238.652 lượt người sử dụng ứng dụng, nền tảng số. Nội dung tập trung vào thao tác trên điện thoại thông minh, tạo lập và bảo vệ tài khoản, sử dụng VNeID và các tiện ích thiết yếu. Hình thức hỗ trợ chủ yếu là hướng dẫn tại nhà văn hóa, các cuộc họp thôn, điểm tiếp nhận hồ sơ và trực tiếp tại hộ gia đình.

b) Hỗ trợ sử dụng dịch vụ công trực tuyến

Các Tổ đã hỗ trợ 164.239 lượt người tra cứu thủ tục hành chính, đăng nhập hệ thống, kê khai, nộp hồ sơ và theo dõi kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Đối với các vướng mắc liên quan đến xác thực, dữ liệu hoặc lỗi hệ thống vượt quá khả năng xử lý trực tiếp, các Tổ chuyển thông tin đến Công an, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc cơ quan chuyên môn để được hướng dẫn, xử lý theo thẩm quyền.

Các Tổ đồng thời phối hợp thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án 06, hướng dẫn người dân tích hợp giấy tờ và sử dụng Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID theo Công văn số 2780/SKHCN-TTCNS ngày 08/5/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ; các vướng mắc về dữ liệu được chuyển cơ quan chuyên môn xem xét, giải quyết.

c) Hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt và phát triển kinh tế số

Các Tổ đã hướng dẫn 172.093 lượt người sử dụng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; hỗ trợ 4.852 hộ kinh doanh, hộ sản xuất ứng dụng phương thức giao dịch, quảng bá sản phẩm trên môi trường số và hỗ trợ giới thiệu 599 sản phẩm.

Nội dung hướng dẫn tập trung vào sử dụng tài khoản thanh toán, mã QR và các kênh bán hàng phù hợp, góp phần tạo điều kiện để người dân, hộ kinh doanh từng bước tiếp cận phương thức giao dịch và quảng bá sản phẩm trên môi trường số.

d) Tuyên truyền, hướng dẫn bảo đảm an toàn trên môi trường mạng

Các Tổ đã lồng ghép hướng dẫn người dân bảo vệ tài khoản, dữ liệu cá nhân, nhận diện và phòng tránh các thủ đoạn lừa đảo khi sử dụng dịch vụ số. Theo số liệu tổng hợp, có 207.627 lượt người được hướng dẫn phòng, chống lừa đảo trên môi trường mạng.

Nhìn chung, hoạt động hỗ trợ của các Tổ đã góp phần đưa kỹ năng số và tiện ích số đến gần người dân hơn, nhất là người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số và người dân ở địa bàn xa trung tâm. Hình thức hướng dẫn thực hành trực tiếp trên thiết bị của người dân có ý nghĩa thiết thực, giúp người dân từng bước làm quen với các thao tác số trong đời sống hằng ngày.

3. Cách làm hay, mô hình hiệu quả

Một số xã, phường đã triển khai các mô hình theo hướng lấy người dân làm trung tâm, chú trọng hướng dẫn trực tiếp, gắn nội dung phổ cập kỹ năng số với nhu cầu thực tế tại khu dân cư. Một số mô hình tiêu biểu như sau:

a) Phường Kỳ Lừa

Triển khai mô hình “Gia đình số” tại 31 khối phố, tổ chức hướng dẫn trực tiếp tại hộ gia đình, ghi nhận hơn 8.000 lượt hộ được tiếp cận, hướng dẫn. Mô hình “Chợ số - Nông thôn số” ghi nhận 3.205/3.205 hộ kinh doanh được hướng dẫn sử dụng mã QR thanh toán và 3.359/7.723 người lao động được tập huấn kỹ năng số, thương mại điện tử.

b) Xã Tràng Định

Duy trì các nhóm Zalo thôn để cung cấp thông tin, tiếp nhận câu hỏi, chia sẻ hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính và cảnh báo thủ đoạn lừa đảo trên môi trường mạng. Địa phương có 12/12 Tổ hoạt động thường xuyên, ghi nhận 10.792 lượt hướng dẫn kỹ năng số.

c) Phường Tam Thanh

Triển khai mô hình “Tuyên phố không dùng tiền mặt” tại khối Hoàng Tân, phối hợp với Đoàn Thanh niên và Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn người dân, hộ kinh doanh thực hiện giao dịch điện tử. Theo báo cáo của địa phương, 100% hộ thuộc phạm vi mô hình có tài khoản thanh toán điện tử và 85% tham gia giao dịch không dùng tiền mặt.

d) Xã Nhất Hòa và xã Mẫu Sơn

Tại thôn Phong Thịnh, xã Nhất Hòa, mô hình “Gia đình số” có 25 hộ tham gia, trong đó 20 hộ đã chủ động thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.

Tại thôn Nà Mò, xã Mẫu Sơn, Tổ công nghệ số cộng đồng phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ tổ chức 5 buổi hướng dẫn cho 45 hộ, hỗ trợ 106 lượt người.

đ) Xã Tân Tri

Lồng ghép Phong trào “Bình dân học vụ số” với hoạt động của Ban Công tác Mặt trận và các chi hội đoàn thể, tiêu biểu là mô hình “Chi hội số” tại thôn Pác Yếng. Địa phương tổ chức 10 lớp hướng dẫn kỹ năng số tại thôn, thu hút trên 1.215 lượt người tham gia. Cách làm này phát huy vai trò của mạng lưới đoàn thể trong tuyên truyền, hướng dẫn theo từng nhóm đối tượng tại khu dân cư.

e) Xã Vân Nham

Tổ chức cho Tổ công nghệ số cộng đồng phối hợp với Công an, các tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp viễn thông và ngân hàng hướng dẫn người dân sử dụng VNeID, Sổ sức khỏe điện tử và thanh toán số tại thôn, hộ gia đình. Việc huy động các lực lượng có chuyên môn tham gia hỗ trợ góp phần giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hành. Tuy nhiên, địa phương vẫn gặp khó khăn về thiết bị tại điểm hỗ trợ và kinh phí đi lại.

Các mô hình trên cho thấy việc duy trì kênh hỗ trợ thường xuyên, phân công nhiệm vụ cụ thể và huy động lực lượng phù hợp với từng nội dung có thể nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ. Để nhân rộng, cần tiếp tục đánh giá tính bền vững, kết quả thực tế và khả năng áp dụng tại các địa bàn có điều kiện khác nhau.

4. Tổng hợp số liệu và đánh giá hoạt động

Theo số liệu tổng hợp, 93,70% thành viên Tổ đã được tập huấn, bồi dưỡng; 704/923 Tổ đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho thành viên, đạt 76,27%; 437/923 Tổ có kế hoạch hoặc nội dung hoạt động, đạt 47,35%.

Trong khi đó, tỷ lệ Tổ hoạt động thường xuyên đạt 56,66%. Kết quả này cho thấy việc tập huấn, kiện toàn tổ chức cần tiếp tục gắn với phân công nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, duy trì hỗ trợ người dân và kiểm tra kết quả sau tập huấn.

Việc đánh giá hiệu quả cần từng bước chuyển từ thống kê số lượt tuyên truyền, hướng dẫn sang ghi nhận kết quả thực chất, nhất là khả năng người dân tự thực hiện các thao tác, sử dụng dịch vụ số sau khi được hỗ trợ.

(Kết quả về tổ chức, mức độ hoạt động và hỗ trợ người dân được tổng hợp tại Biểu 01, Biểu 02 và Biểu 03 kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được

Mạng lưới Tổ công nghệ số cộng đồng từng bước được củng cố, duy trì tại các thôn, tổ dân phố, tạo đầu mối hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng các nền tảng, dịch vụ, tiện ích số. Hoạt động của các Tổ góp phần đưa công nghệ số vào đời sống, hỗ trợ người dân từng bước sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán số và các ứng dụng thiết yếu, nhất là đối với những nhóm còn hạn chế về kỹ năng công nghệ.

Trong Phong trào “Bình dân học vụ số”, các Tổ là một trong những lực lượng trực tiếp triển khai phổ cập kỹ năng số tại cơ sở. Việc phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, Công an và chính quyền cấp xã giúp lồng ghép nội dung học tập số vào các cuộc họp thôn, sinh hoạt chi hội và hoạt động hướng dẫn tại hộ gia đình, từng bước chuyển từ tuyên truyền sang hướng dẫn thực hành theo nhu cầu.

Một số địa phương đã chủ động phân công nhiệm vụ, duy trì kênh hỗ trợ và gắn hoạt động của Tổ với các công việc cụ thể của người dân. Qua đó, bước đầu hình thành các mô hình có khả năng duy trì và nhân rộng phù hợp với điều kiện thực tế.

Bên cạnh đó, các Tổ góp phần phản ánh những khó khăn về thiết bị, kết nối, tài khoản và quy trình sử dụng dịch vụ số để cơ quan chuyên môn xem xét, xử lý. Một số địa phương ghi nhận người dân chủ động thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến sau khi được hướng dẫn, cho thấy tính thiết thực của phương thức hỗ trợ trực tiếp.

Tuy nhiên, kết quả chuyển đổi số tại địa phương là sự đóng góp tổng hợp của nhiều cơ quan, tổ chức và lực lượng. Số liệu hiện có chủ yếu phản ánh lượt hỗ trợ, chưa đo lường đầy đủ số người có thể tự thực hiện các thao tác sau hướng dẫn; do đó, cần tiếp tục hoàn thiện phương pháp đánh giá để xác định rõ hơn hiệu quả hoạt động của các Tổ.

2. Hạn chế

Chất lượng hoạt động của các Tổ chưa đồng đều; có 400/923 Tổ, chiếm 43,34%, hoạt động chưa thường xuyên hoặc hoạt động hạn chế. Một số Tổ chưa xây dựng lịch hỗ trợ ổn định, việc phân công nhiệm vụ chưa cụ thể; công tác ghi nhận kết quả, kiểm tra và đánh giá chưa được thực hiện thường xuyên.

Kỹ năng thực hành, hướng dẫn của một bộ phận thành viên chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu, nhất là khi ứng dụng, nền tảng và quy trình thực hiện thủ tục hành chính có thay đổi. Điều kiện về thiết bị, kết nối và phương tiện hỗ trợ tại một số địa bàn còn thiếu.

Công tác thống kê, báo cáo chủ yếu dựa trên số lượt tuyên truyền, hướng dẫn, chưa phản ánh đầy đủ mức độ chuyển biến về kỹ năng số và khả năng tự sử dụng dịch vụ số của người dân. Việc tổng hợp, đối chiếu số liệu và đánh giá hiệu quả giữa các địa phương chưa thật sự đồng nhất.

3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

Dân cư tại một số địa bàn phân tán, khoảng cách đi lại lớn; hạ tầng kết nối và thiết bị tại một số thôn còn hạn chế. Trình độ, điều kiện tiếp cận công nghệ và nhu cầu sử dụng dịch vụ số của người dân không đồng đều.

Thành viên Tổ chủ yếu hoạt động kiêm nhiệm, nhân sự có biến động sau sắp xếp thôn, tổ dân phố. Trong khi đó, việc hướng dẫn trực tiếp tại cơ sở đòi hỏi thời gian, phương tiện, thiết bị và điều kiện kết nối phù hợp.

b) Nguyên nhân chủ quan

Tại một số địa phương, việc giao nhiệm vụ, duy trì lịch hoạt động và kiểm tra kết quả của từng Tổ chưa được quan tâm đúng mức. Công tác bồi dưỡng kỹ năng chưa đáp ứng đầy đủ các tình huống phát sinh trong thực tế; tài liệu hướng dẫn và đầu mối hỗ trợ chuyên môn chưa được cập nhật, phổ biến đồng đều.

Việc theo dõi, đánh giá hoạt động chưa có hệ thống tiêu chí và phương thức thống nhất, dẫn đến khó khăn trong xác định chất lượng hỗ trợ, nhu cầu bồi dưỡng và mức độ ưu tiên bố trí nguồn lực.

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Về hạ tầng, thiết bị và điều kiện hỗ trợ

Tại một số thôn địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn, sóng di động và Internet chưa ổn định, ảnh hưởng đến quá trình đăng nhập, xác thực tài khoản và thực hành dịch vụ số. Một số thiết bị của người dân có cấu hình thấp, không đáp ứng yêu cầu cài đặt, cập nhật ứng dụng. Nhà văn hóa thôn và các điểm hỗ trợ cộng đồng tại một số địa bàn còn thiếu máy tính, máy quét và đường truyền phục vụ hướng dẫn, số hóa giấy tờ.

2. Về nhân lực và kinh phí hoạt động

Nguồn lực bảo đảm hoạt động trực tiếp tại cơ sở còn hạn chế. Nhiều thành viên Tổ hoạt động kiêm nhiệm, sử dụng điện thoại, dữ liệu di động và phương tiện đi lại cá nhân. Một số địa phương phản ánh chưa có kinh phí hoạt động riêng hoặc chưa được hướng dẫn cụ thể về nguồn kinh phí, nội dung chi và định mức chi.

Xã Vân Nham phản ánh khó khăn về thiết bị tại điểm hỗ trợ và kinh phí đi lại; các địa phương như Trảng Định, Yên Phúc đề nghị hướng dẫn lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí. Những khó khăn này ảnh hưởng đến việc tổ chức các buổi hỗ trợ định kỳ, khả năng duy trì lực lượng và hiệu quả hoạt động tại các địa bàn khó khăn.

3. Về chuyên môn, quy trình và công tác đánh giá

Các nền tảng số, ứng dụng và quy trình giải quyết thủ tục hành chính thường xuyên được cập nhật. Những vướng mắc liên quan đến xác thực, sai lệch dữ liệu hoặc lỗi hệ thống thường vượt quá khả năng xử lý trực tiếp của thành viên Tổ, đòi hỏi sự phối hợp kịp thời của cơ quan chuyên môn.

Tài liệu hướng dẫn, đầu mối hỗ trợ và công cụ thống nhất để theo dõi kết quả hoạt động chưa đáp ứng đồng đều yêu cầu thực tế. Việc thiếu phương thức kiểm chứng kết quả sau hướng dẫn gây khó khăn trong đánh giá hiệu quả, xác định nhu cầu bồi dưỡng và đề xuất giải pháp hỗ trợ phù hợp.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

1. Nhiệm vụ trọng tâm

Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, tập trung vào các Tổ hoạt động chưa thường xuyên, hoạt động hạn chế; bảo đảm hoạt động thực chất, phù hợp với điều kiện và nhu cầu của từng địa bàn.

Phát huy vai trò của các Tổ trong trực tiếp hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng và thụ hưởng dịch vụ, tiện ích số; đẩy mạnh phổ cập kỹ năng số gắn với Phong trào “Bình dân học vụ số” và nhiệm vụ chuyển đổi số tại địa phương.

Nâng cao năng lực thành viên, đổi mới phương thức hoạt động, tăng cường quản lý, theo dõi và đánh giá hiệu quả; từng bước bảo đảm các điều kiện cần thiết để duy trì hoạt động thường xuyên tại cơ sở.

2. Giải pháp thực hiện

a) Củng cố tổ chức, nâng cao trách nhiệm và duy trì hoạt động

UBND các xã, phường rà soát, kiện toàn các Tổ phù hợp với tình hình thực tế; phân công rõ thành viên, địa bàn và nhiệm vụ phụ trách; xây dựng kế hoạch, duy trì lịch hỗ trợ định kỳ gắn với nhu cầu sử dụng dịch vụ số của người dân.

Tăng cường phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, Công an, cơ sở giáo dục và doanh nghiệp tại địa phương; chú trọng hướng dẫn thực hành trực tiếp, tạo điều kiện để người dân có thể tự thực hiện các thao tác cơ bản sau khi được hỗ trợ.

b) Nâng cao năng lực và bảo đảm điều kiện hoạt động

Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với UBND các xã, phường tổ chức bồi dưỡng kỹ năng thực hành, cập nhật tài liệu hướng dẫn, hỗ trợ giải đáp các vướng mắc thuộc lĩnh vực chuyển đổi số. Nội dung tập huấn cần tập trung vào các tình huống thực tế, như sử dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, bảo vệ dữ liệu cá nhân và phòng, chống lừa đảo trên môi trường mạng.

Các địa phương rà soát nhu cầu về hạ tầng, thiết bị, kết nối và kinh phí; chủ động sử dụng, lồng ghép các nguồn lực hợp pháp hiện có, đồng thời đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét phương án bảo đảm phù hợp với điều kiện từng địa bàn, ưu tiên khu vực khó khăn và các Tổ cần củng cố.

c) Tăng cường kiểm tra, đánh giá hiệu quả

Thông nhất tiêu chí đánh giá hoạt động trên cơ sở nhiệm vụ được giao, mức độ duy trì hoạt động, kết quả hỗ trợ người dân và khả năng tự sử dụng dịch vụ số sau hướng dẫn. Tăng cường kiểm tra, đối chiếu số liệu, bảo đảm tính chính xác, tránh trùng lặp trong thống kê.

Gắn kết quả đánh giá với việc củng cố các Tổ hoạt động hạn chế, xác định nhu cầu tập huấn và đề xuất hỗ trợ nguồn lực. Nghiên cứu tận dụng các hệ thống thông tin hiện có để theo dõi, tổng hợp kết quả, hạn chế phát sinh thủ tục báo cáo và chi phí đầu tư mới không cần thiết.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với UBND tỉnh

- Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo UBND các xã, phường tiếp tục duy trì, củng cố mạng lưới Tổ công nghệ số cộng đồng gắn với nhiệm vụ chuyển đổi số và Phong trào “Bình dân học vụ số”; tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ, tập trung vào các địa bàn có Tổ hoạt động chưa thường xuyên hoặc hoạt động hạn chế. Quan tâm bảo đảm nguồn lực phù hợp với nhiệm vụ hỗ trợ trực tiếp người dân tại thôn, tổ dân phố, góp phần phát huy hiệu quả đầu tư vào các nền tảng và dịch vụ số.

- Các hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tập trung vào việc hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng ứng dụng định danh điện tử VNeID; hỗ trợ thực hiện dịch vụ công trực tuyến, nộp hồ sơ thủ tục hành chính tại nhà hoặc nhà văn hóa cộng đồng; tuyên truyền, hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin trên môi trường mạng và sử dụng các ứng dụng, nền tảng số mới. Tuy nhiên, hiện nay, hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng chưa được bố trí kinh phí hỗ trợ, gây khó khăn trong quá trình triển khai nhiệm vụ. Để duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số tại cơ sở, Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất UBND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng với mức dự kiến **3.000.000 đồng/tổ/năm**. Kinh phí được sử dụng để hỗ trợ chi phí đi lại, thông tin liên lạc, tài liệu tuyên truyền và các chi phí cần

thiết khác phục vụ trực tiếp việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ sở.

2. Đối với các sở, ngành liên quan

- **Công an tỉnh:** Duy trì đầu mối hướng dẫn, phối hợp xử lý các vướng mắc liên quan đến định danh điện tử, VNeID và an toàn thông tin; hỗ trợ cập nhật nội dung tuyên truyền, hướng dẫn người dân bảo vệ dữ liệu cá nhân và phòng, chống lừa đảo trên môi trường mạng.

- **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan chuyên môn:** Cập nhật, cung cấp tài liệu hướng dẫn quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi phụ trách; phối hợp hỗ trợ xử lý hồ sơ, vướng mắc về dữ liệu chưa đồng bộ và các vấn đề phát sinh vượt quá khả năng hỗ trợ trực tiếp của Tổ công nghệ số cộng đồng.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, Sở Khoa học và Công nghệ kính gửi Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, CDS(NTPM).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Đức Trung

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CÔNG NGHỆ
SỐ CỘNG ĐỒNG

(Kèm theo Báo cáo số ⁶⁰⁴⁴ /BC-SKHCN ngày ²³ tháng 10 năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ)

Biểu 01. Tình hình tổ chức, duy trì hoạt động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
1	Tổng số Tổ Công nghệ số cộng đồng	Tổ	923
2	Tổng số thành viên	Người	6.716
3	Tổ hoạt động thường xuyên	Tổ	523
4	Tổ hoạt động chưa thường xuyên	Tổ	371
5	Tổ hoạt động hạn chế/không hoạt động	Tổ	29
6	Thành viên được tập huấn, bồi dưỡng	Người	6.293
7	Tổ có phân công nhiệm vụ cụ thể cho thành viên	Tổ	704
8	Tổ có kế hoạch/nội dung hoạt động cụ thể	Tổ	437

Biểu 02. Kết quả hỗ trợ người dân

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Kết quả
1	Lượt người dân được hướng dẫn, hỗ trợ kỹ năng số	Lượt người	284.696
2	Lượt người được hỗ trợ sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Lượt người	164.239
3	Lượt người được hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt	Lượt người	172.093
4	Lượt người được hỗ trợ sử dụng ứng dụng/nền tảng số	Lượt người	238.652
5	Hộ kinh doanh/hộ sản xuất được hỗ trợ	Hộ	4.852

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Kết quả
6	Sản phẩm được hỗ trợ quảng bá trên môi trường số	Sản phẩm	599
7	Lượt người được hướng dẫn phòng, chống lừa đảo trên môi trường mạng	Lượt người	207.627
8	Nội dung hỗ trợ khác	Theo nội dung	Chưa thống kê riêng

Biểu 03. Đánh giá mức độ hoạt động của Tổ

TT	Nhóm Tổ	Số Tổ	Tỷ lệ (%)	Đặc điểm chủ yếu
1	Hoạt động thường xuyên, hiệu quả	523	56,66	Có hoạt động định kỳ, có kết quả cụ thể
2	Có hoạt động nhưng chưa thường xuyên	371	40,20	Hoạt động còn phụ thuộc thời điểm
3	Hoạt động hạn chế	29	3,14	Ít hoạt động, kết quả thấp
4	Không hoạt động	0	0,00	Không duy trì hoạt động thực tế